

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 06 - 02 - 2026

V/v Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê;

Ông Tôn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2025/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Chị Bùi Thị Bích H, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

Anh Đặng Minh L, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Chị Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

2. Chị Đặng Kim N, sinh năm 2005; (có mặt)

3. Chị Đặng Khánh N1, sinh năm 2009; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số D đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo pháp luật của chị Đặng Khánh N1:

Chị Bùi Thị Bích H, sinh năm 1979; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số D đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng do nguyên đơn yêu cầu triệu tập:

1. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm T, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Cao Phước C, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Số C đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Chị Bùi Thị Bích H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Quyết Q trình bày:

Vào năm 2020, chị Bùi Thị Bích H và anh Đặng Minh L ly hôn, được giải quyết bằng Bản án số 67/2020/HNGĐ-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, theo đó, chị H được giao nuôi dưỡng cả 02 con chung là Đặng Kim N, sinh ngày 04/01/2005 và Đặng Khánh N1, sinh ngày 30/7/2009. Tòa án chưa giải quyết về cấp dưỡng cho con và về tài sản chung.

Nay chị H yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Khánh N1 mỗi tháng là 1.170.000 đồng từ ngày 01/12/2024 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H và anh L có 01 căn nhà gắn liền thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại phường D, thành phố V, (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay căn nhà và thửa đất số 112 bị thu hồi một phần làm công trình kè sông L, diện tích thu hồi là 10,9m², loại đất ở tại đô thị, giá trị bồi thường là 10,9m² x 22.315.000 đồng/m² = 243.233.500 đồng, tài sản bao gồm nhà ở và vật kiến trúc khác là 317.725.643 đồng, phần diện tích đất còn lại của thửa 112 là 17,5m². Chị H yêu cầu được chia tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất thửa số 112 theo tỷ lệ 6/4 vì chị có công sức đóng góp trong tài sản nhiều hơn anh L, nguồn tiền nhận chuyển nhượng thửa đất 112 do cha mẹ chị H chuyển nhượng đất để cho tiền chị nhận chuyển nhượng thửa 112, phần trị giá nhà và đất của chị tương đương là 336.575.486 đồng. Trường hợp thửa 112 còn lại diện tích là 17,5m² thì chị yêu cầu được nhận bằng hiện vật vì phần đất trên gắn liền với nơi kinh doanh bán cá thác lác, đối với phần đất chị nhận vượt quá phần đất chị được hưởng thì chị đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Minh L trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị H về việc đã ly hôn theo Bản án số 67/2020/HNGĐ-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và về con chung, tài sản chung. Anh đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là Đặng Khánh N1 mỗi tháng là 1.170.000 đồng từ ngày 01/12/2024 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị H có 01 căn nhà gắn liền thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường D, thành phố V, (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay căn nhà và thửa đất số 112 đã bị thu hồi một phần làm công trình kè sông L, diện tích thu hồi là 10,9m², loại đất ở đô thị, giá trị bồi thường là 10,9m² x 22.315.000 đồng/m² = 243.233.500 đồng, tài sản bao gồm nhà ở và vật kiến trúc khác giá trị là 317.725.643 đồng, phần diện tích đất còn lại của thửa 112 là 17,5m². Anh yêu cầu chia đôi tài sản nhà và đất,

đối với phần đất còn lại của thửa 112 anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật vì ngoài thửa đất 112 anh không còn nơi nào khác để sinh sống, trong khi chị H đã có căn nhà khác trong khu nhà ở H, phường T. Đối với phần diện tích đất anh được hưởng nếu vượt quá phần đất anh được chia thì anh đồng ý hoàn trả giá trị cho chị H. Nguồn gốc thửa đất 112 do anh nhận chuyển nhượng từ người khác, từ nguồn thu nhập chính của anh, trước đây chị H chỉ nội trợ ở nhà, không tạo ra thu nhập, đến năm 2015 chị mới bán cá thác lác nên anh không thống nhất với việc chị H cho rằng chị có công sức đóng góp vào tài sản nhiều hơn và không thống nhất yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 6/4 của chị H.

Căn nhà trên hiện của anh, chị H và 02 con là Đặng Kim N, sinh ngày 04/01/2005 và Đặng Khánh N1, sinh ngày 30/7/2009 đang sinh sống.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Khánh N1, sinh ngày 30/7/2009 mỗi tháng là 1.170.000 đồng từ ngày 01/12/2024 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Đối với tài sản chung: Hiện nay căn nhà và thửa đất số 112 bị thu hồi làm công trình kè sông L, diện tích thu hồi là 10,9m², loại đất ở tại đô thị, giá trị bồi thường là 10,9m² x 22.315.000 đồng/m² = 243.233.500 đồng, tài sản bao gồm nhà ở và vật kiến trúc khác là 317.725.643 đồng, phần diện tích đất còn lại của thửa 112 là 17,5m². Chị H yêu cầu được chia tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất thửa số 112 theo tỷ lệ 6/4 vì chị có công sức đóng góp trong tài sản nhiều hơn anh L, phần giá trị nhà và đất của chị là 336.575.486 đồng. Thửa 112 còn lại diện tích là 17,5m² thì chị yêu cầu được nhận bằng hiện vật vì phần đất trên gắn liền với nơi kinh doanh, đối với phần đất chị nhận vượt quá phần đất chị được hưởng thì chị đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho anh L. Tổng giá trị nhà và đất là 951.471.643 đồng, chị H đồng ý giao lại cho anh L giá trị chênh lệch là 380.588.657 đồng.

Bị đơn anh Đặng Minh L trình bày: Đồng ý cấp dưỡng nuôi con Đặng Khánh N1, sinh ngày 30/7/2009 mỗi tháng là 1.170.000 đồng từ ngày 01/12/2024 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Đối với tài sản chung: Anh L yêu cầu chia đôi tài sản nhà và đất bị giải tỏa. Đối với phần đất còn lại 17,5m² của thửa 112 anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật vì ngoài thửa đất 112 anh không còn nơi nào khác để sinh sống. Tổng giá trị

nhà và đất là 951.471.643 đồng, anh L đồng ý giao lại cho chị H giá trị chênh lệch là 475.735.821 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án sơ thẩm số 93/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H:

1. Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị Bích H và anh Đặng Minh L. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Khánh N1, sinh ngày 30/7/2009 mỗi tháng là 1.170.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2024 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

2. Đối với yêu cầu chia tài sản:

Chia cho chị Bùi Thị Bích H $\frac{1}{2}$ thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long và các tài sản gắn liền là $\frac{1}{2}$ căn nhà cùng vật kiến trúc.

Chia cho anh Đặng Minh L $\frac{1}{2}$ thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long và các tài sản gắn liền là $\frac{1}{2}$ căn nhà cùng vật kiến trúc.

Buộc anh Đặng Minh L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 475.735.821 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi một đồng) cho chị H đối với $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 112, gắn với $\frac{1}{2}$ căn nhà cùng vật kiến trúc. Công nhận cho anh L quản lý, sử dụng phần đất thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long do anh Đặng Minh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với căn nhà và vật kiến trúc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2025, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Chia tài sản chung theo tỷ lệ 6/4, chị yêu cầu được hưởng 60% phần tài sản chung, chia cho anh Đặng Minh L 40% giá trị tài sản chung.

Chị xin được nhận tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 13, loại đất ở tại đô thị và căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất. Nhà và đất tọa lạc tại số D đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Quyết Q trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp là do bà Bùi Thị H1 nhận chuyển nhượng của ông Cao Phước C với giá là 120.000.000 đồng, bà H1 có làm giấy viết tay giao tiền cho vợ ông C là bà Trương Thị Kim Á. Sau đó, cha của nguyên đơn, đồng thời cũng là anh ruột của bà H1 là ông Bùi Văn G hỏi bà H1 để mua lại nhà, đất này cho chị H, anh L và bà H1 đồng ý nên ông G trả tiền cho bà H1, tiền ông G trả cho bà H1 là tiền của ông G, mục đích ông G mua đất là để cho vợ chồng chị H, anh L nên ông G yêu cầu bà H1 và ông C làm thủ tục chuyển nhượng cho anh L đứng tên. Trong quá trình anh L và chị H chung sống với nhau thì anh L nhiều lần thiếu nợ, anh L vay tiền của người khác và vay tiền của công ty T, chị H đã nhiều lần trả nợ thay cho anh L. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị H có nộp giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị B Năm nội dung xác nhận bà N2 có cho anh L vay số tiền 10.000.000 đồng và chị H đã trả thay cho anh L và giấy Chứng nhận nộp tiền ngày 21/9/2019 thể hiện chị H là người nộp tiền số tiền 24.553.000 đồng trả tiền thay cho anh L do anh L vay của Công ty T nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét tình tiết này. Bên cạnh đó, từ khi chị H và anh L ly hôn, chị H trực tiếp nuôi con, anh L bị tai nạn, không thể tạo ra thu nhập nên chị H là lao động tạo ra thu nhập nuôi các con. Như vậy, chị H có công sức nhiều hơn anh L trong khối tài sản đang tranh chấp nên chị H yêu cầu được chia 60%, chia cho anh L 40%, đồng thời chị H sử dụng nhà làm nơi mua bán cá thác lác để nuôi các con nên căn cứ vào khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị H yêu cầu được giao nhà và đất, chị H trả 40% giá trị tài sản chung cho anh L.

Bị đơn anh Đặng Minh L trình bày: Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Tiền mua nhà, đất là tiền của nguyên đơn, nguyên đơn bán phần đất khác để mua nhà và đất này, nguyên đơn là người trả tiền mua nhà, đất cho bà H1 nhưng không có giấy tờ để chứng minh. Nguyên đơn thừa nhận có vay tiền bên ngoài và chị H có trả thay nhưng sau đó nguyên đơn đã đi làm dành dụm và đã trả lại cho chị H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Đặng Thị Ngọc D trình bày: Phần đất này do ông C chuyển nhượng cho bà H1, bà H1 chuyển nhượng lại cho anh L, anh L trả tiền cho bà H1 nhưng không có chứng cứ chứng minh vì không có

làm giấy tờ giao nhận tiền nhưng thực tế anh L là người trả tiền thì anh L mới được đứng tên quyền sử dụng đất. Chị H trước đây chỉ làm nội trợ, sau này mới bán cá thác lác, thu nhập có ngày 1.000.000 đồng nhưng cũng có ngày không có thu nhập, vì vậy, chị H không có nhiều công sức trong tài sản chung này nên kháng cáo của chị H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người làm chứng là bà Bùi Thị H1 và ông Cao Phước C đều trình bày: nhà và đất này của ông C và vợ ông C là bà Trương Kim Á chuyển nhượng cho bà H1, bà H1 chuyển nhượng lại cho ông G (ông G là cha của chị H và là anh ruột của bà H1) nhưng mục đích ông G là mua để cho chị H, anh L nên ông G kêu làm thủ tục cho anh L đứng tên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Bùi Thị Bích H

- Sửa một phần Bản án thẩm số 93DS ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long theo hướng:

Giao cho chị H được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long. Chị H có nghĩa vụ hoàn ½ giá trị tài sản chung cho anh L số tiền là 475.735.821 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai

tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất không tranh chấp gì về tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà trước khi anh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thống nhất nhà, đất tranh chấp trong vụ án này là tài sản chung của chị H và anh L nên không yêu cầu đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

[1.4] Bà Bùi Thị H1 và ông Cao Phước C do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu triệu tập để làm chứng nên căn cứ theo quy định tại Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án triệu tập bà H1 và ông C tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H:

[2.1] Chị Bùi Thị Bích H kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 6/4, chị yêu cầu được hưởng 60% phần tài sản chung, chia cho anh Đoàn Minh L1 40% giá trị tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Chị H và anh L1 đều thừa nhận tài sản chung có 01 căn nhà gắn liền thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường D, thành phố V, (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh L1 đứng tên. Công văn số 23/TTPTQĐ ngày 06/8/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long xác nhận thửa đất số 112 đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng kè sông L thuộc dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Về đất: Tách 112, tờ bản đồ 13, diện tích thu hồi 10,9m², loại đất ở đô thị (ODT) giá trị bồi thường là: 10,9m² x 22.315.000đ/m² = 243.233.500 đồng. Về tài sản: Bao gồm nhà ở và vật kiến trúc khác với giá trị bồi thường là 317.725.643 đồng. Về chính sách hỗ trợ: không có. Ngoài ra, theo Công

văn số 23/TTPTQĐ ngày 06/8/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long thì do chưa phê duyệt cho nên giá trị có thể thay đổi sau thẩm định và phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị H và anh L1 thống nhất phương án bồi hoàn nhà, đất có tổng giá trị là 560.959.143 đồng, đối với diện tích đất còn lại của thửa 112 là 17,5m² thống nhất giá trị là 17,5m² x 22.315.000 đồng = 390.512.500 đồng, tổng giá trị nhà và đất là 951.471.643 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, anh L1 trình bày trước đây chị H chỉ nội trợ ở nhà, không tạo ra thu nhập, đến năm 2015 chị H mới bán cá thác lác nên anh L1 không thống nhất với việc chị H cho rằng chị có công sức đóng góp vào tài sản nhiều hơn và không thống nhất yêu cầu của chị H về việc chia tài sản theo tỷ lệ 6/4. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập.”. Vì vậy, thời gian chị H làm công việc nội trợ cũng được coi như lao động có thu nhập.

[2.1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng về mặt pháp lý thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trực tiếp từ ông C chuyển nhượng cho anh L1 nhưng thực tế thì ông C chuyển nhượng cho bà H1, bà H1 trả tiền cho ông C, sau đó bà H1 chuyển nhượng lại cho ông G (cha của chị H), ông G trả tiền lại cho bà H1, do lần chuyển nhượng giữa ông C với bà H1 chưa làm thủ tục chuyển nhượng và ông G có ý định cho phần đất này cho chị H, anh L1 nên ông G yêu cầu bà H1 và ông C làm thủ tục cho anh L1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà H1 có cung cấp giấy viết tay nội dung “Tôi Trương Kim Á có bán cho chị H1 1 căn nhà là 120.000.000 đồng” và cho rằng giấy này để chứng minh việc bà H1 giao cho vợ ông C là bà Trương Thị Kim Á số tiền tiền nhận chuyển nhượng nhà và đất là 120.000.000 đồng. Tuy bà H1 là cô ruột của chị H nên lời khai không đảm bảo tính khách quan và nội dung giấy viết tay chỉ thể hiện nội dung bán nhà, không thể hiện nhà trên thửa đất nào, giấy viết tay không thể hiện có sự liên quan đến tài sản tranh chấp trong vụ án này nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các đương sự đều thống nhất nguồn gốc nhà, đất tranh chấp là của ông C chuyển nhượng cho bà H1.

Bị đơn anh L1 thừa nhận nguồn gốc đất của ông C, ông C chuyển nhượng cho bà H1 chưa làm thủ tục chuyển nhượng, anh L1 nhận chuyển nhượng lại từ bà H1,

tiền ông G trả cho bà H1 là tiền mà trước đó anh chuyển nhượng một phần đất khác và giao cho ông G giữ tiền dùm anh, rồi ông G lấy tiền đó trả cho bà H1. Tuy nhiên, anh L1 trình bày bằng lời nói mà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, trong khi ông C trình bày ông chuyển nhượng đất (trên đất có nhà) cho bà H1 và nhận tiền từ bà H1, sau đó ông G mua lại của bà H1 nên ông G trả tiền cho bà H1 rồi ông G kêu làm thủ tục cho anh L1 đứng tên quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày ông C không có quan hệ thân thích, không quan hệ họ hàng với nguyên đơn, bị đơn cũng không phản đối nội dung này và ông C thừa nhận bà H1 là người trả tiền cho vợ ông, còn anh L1 không chứng minh được anh L1 có trả tiền nhận chuyển nhượng đất hoặc nguồn tiền ông G trả cho bà H1 là của anh. Vì vậy, trình bày của nguyên đơn cho rằng có công sức nhiều hơn trong khối tài sản chung là có căn cứ.

Đồng thời, chị H là người trực tiếp nuôi cả hai con từ lúc chị và anh L1 ly hôn vào năm 2020 đến nay, khi chị H và anh L1 ly hôn thì Tòa án chưa giải quyết việc cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh L1 là chị D cũng trình bày từ khi anh L1 và chị H ly hôn đến nay thì chị H không nhận tiền cấp dưỡng nuôi con của anh L1; anh L1 trình bày anh đi làm, chỉ thỉnh thoảng về nhà. Như vậy, chị H là người lo toàn bộ chi phí sinh hoạt, học tập của các con và cũng là người gìn giữ, bảo quản, tu bổ tài sản chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị H về việc chị H yêu cầu được chia 60% giá trị tài sản chung số tiền là 570.822.986 đồng, anh L1 được chia 40% giá trị tài sản chung số tiền là 380.588.657 đồng.

[2.2] Chị H kháng cáo yêu cầu được nhận tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 13, loại đất ở tại đô thị và căn nhà cấp 4, gắn liền với thửa đất, nhà và đất tọa lạc tại số D đường T, phường P, tỉnh Vĩnh Long, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập”. Anh Q trình bày do chị H đang bán cá thác lác tại địa điểm nhà, đất tranh chấp nên yêu cầu Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình để xem xét cho chị H được nhận nhà, đất. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, đảm bảo quyền có nơi ở hợp pháp của các đương sự và phù hợp với chính sách của Nhà nước là tạo điều kiện

để mọi người có chỗ ở. Theo công văn số 29/CNKV1 ngày 10/9/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực 1 - Vĩnh Long thì chị H có kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 210, tờ bản đồ 33, diện tích 82,6m² loại đất ONT, tọa lạc tại phường T, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh L1 trình bày hiện tại anh không có chỗ ở nào khác ngoài căn nhà và đất đang tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng anh L1 có chỗ ở khác nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này, anh L1 không thừa nhận có chỗ ở khác và cho rằng anh đi làm thợ hồ nên theo công trình, khi về vẫn ở tại căn nhà, đất tranh chấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh L1 được quyền sử dụng đất và sở hữu căn nhà trên đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 28,4m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị H về việc yêu cầu nhận nhà và đất.

Tuy nhiên, như đã phân tích tại mục [2.1], chị H được chia 60% giá trị tài sản chung nên buộc anh L1 phải giao lại cho chị H số tiền là 570.822.986 đồng.

[3] Mặc dù chị H có đất khác, tuy nhiên, chị H và các con (là con của chị H và anh L1) đều ở tại căn nhà trên đất tranh chấp, đây cũng là địa điểm chị H mua bán để tạo thu nhập lo cho các con. Trường hợp này giao nhà cho anh L1 nên cũng cần có thời gian để chị H tạo lập chỗ ở mới, di dời đồ đạc và tìm một địa điểm khác để mua bán. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về quyền lưu cư cho chị H là chưa đảm bảo quyền lợi cho chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho chị H được quyền lưu cư thời gian 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất các nội dung sau:

- Thống nhất các nội dung và số tiền nêu trong Công văn số 23/TTPTQĐ ngày 06/8/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long.

- Thống nhất nếu giá trị tài sản có thay đổi sau thẩm định và phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo chiều giảm hơn so với số tiền được nêu trong Công văn số 23/TTPTQĐ ngày 06/8/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long thì anh L1 vẫn giao cho chị H theo số tiền được quyết định trong bản án do bản án căn cứ vào số tiền các đương sự đã thống nhất nêu trong công văn trên để giải quyết vụ án.

- Thống nhất nếu giá trị tài sản có thay đổi sau thẩm định và phê duyệt của

Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo chiều tăng hơn so với số tiền được nêu trong Công văn số 23/TTPTQĐ ngày 06/8/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long thì các bên sẽ tự thỏa thuận phân chia phần tiền chênh lệch tăng giữa số tiền được nêu trong Công văn số 23/TTPTQĐ ngày 06/8/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Long với số tiền thực tế. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện một vụ án khác.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại án phí như sau:

Buộc chị Bùi Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được chia là 26.832.919 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.800.000 đồng theo biên lai thu số 0007516 ngày 05/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị H còn phải nộp 22.032.919 đồng.

Buộc anh Đặng Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được chia là 19.029.432 đồng và 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tổng cộng anh L phải chịu 19.179.432 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H2 lại chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005476 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Bùi Thị Bích H;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 147, 148, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 33, 59, 62, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ các Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị Bích H và anh Đặng Minh L: Anh Đặng Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đặng Khánh N1, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2009, mỗi tháng là 1.170.000 (một triệu, một trăm bảy mươi nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 cho đến khi Đặng Khánh N1 đủ 18 tuổi.

2. Anh Đặng Minh L được toàn quyền sử dụng phần đất và được quyền sở hữu căn nhà, vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long do anh Đặng Minh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Buộc anh Đặng Minh L có nghĩa vụ giao cho chị Bùi Thị Bích H số tiền 570.822.986 (năm trăm bảy mươi triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Chị Bùi Thị Bích H được quyền lưu cư trên căn nhà gắn liền thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian lưu cư là 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hết thời gian lưu cư thì chị Bùi Thị Bích H phải di dời đi nơi khác để giao lại nhà và đất nêu trên cho anh Đặng Minh L.

5. Về chi phí tố tụng khác (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ):

Buộc anh Đặng Minh L có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Bích H số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Bùi Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.832.919 (hai mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm mười chín) đồng, được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.800.000 (bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007516 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Vĩnh Long). Chị H còn phải nộp số tiền 22.032.919 (hai mươi hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm mười chín) đồng.

Buộc anh Đặng Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 19.179.432 (mười chín triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi hai) đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H2 lại chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005476 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND KV1 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV1 - Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang